

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 6077:2012

Xuất bản lần 2

**BẢN VẼ NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG- KÝ HIỆU QUY
ƯỚC CÁC TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT**

*Building and civil engineering drawings-
Simplified representation of technical equipments*

HÀ NỘI – 2012

Mục lục

1	Phạm vi áp dụng	5
2	Ký hiệu quy ước	5

Lời nói đầu

TCVN 6077 : 2012 thay thế TCVN 6077 : 1995 và TCVN 4615 : 1988

TCVN 6077 : 2012 được chuyển đổi từ TCVN 6077 : 1995 và TCVN 4615 : 2988 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm b), khoản 1, điều 6 Nghị định 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 6077 : 2012 do Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

**Bản vẽ nhà và công trình dân dụng-
Ký hiệu quy ước các trang thiết bị kỹ thuật**

Building and civil engineering drawings-

Simplified representation of technical equipments

1 Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này quy định cách trình bày ký hiệu quy ước các trang thiết bị kỹ thuật (bao gồm cấp nước, thoát nước, thông gió cấp nhiệt) sử dụng trên bản vẽ mặt bằng và sơ đồ dùng trong thi công xây lắp

1.2 Các ký hiệu quy ước này được sử dụng trên bản vẽ mặt bằng và trên sơ đồ có tỷ lệ 1:50. Đối với các bản vẽ có tỷ lệ nhỏ hơn, có thể dùng các kí hiệu đơn giản hơn. Đối với các bản vẽ có tỷ lệ lớn hơn có thể dùng các kí hiệu vẽ chi tiết hơn. Đối với sơ đồ thì cách ký hiệu cho trong cột " Mặt đứng" là thích hợp.

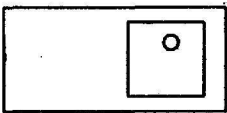
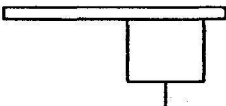
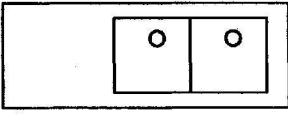
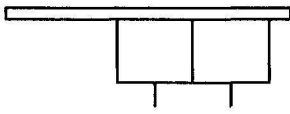
1.3 Trường hợp cần thiết, để bản vẽ rõ ràng hơn trên các ký hiệu quy ước có thể kết hợp thêm các ký hiệu bằng số, bằng chữ hoặc bằng số kết hợp và có các trích dẫn tóm tắt khác kèm theo với mục chú thích trên bản vẽ hoặc ở bất cứ chỗ nào của bản vẽ.

1.4 Nếu dùng các khuôn hình để vẽ thì tại các góc của kí hiệu có thể vẽ tròn.

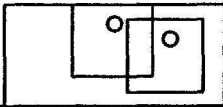







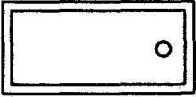

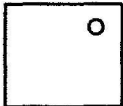




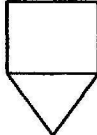



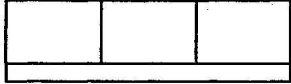
2 Ký hiệu quy ước

2.1 Ký hiệu quy ước trang thiết bị cấp nước, thoát nước (xem Bảng 1).

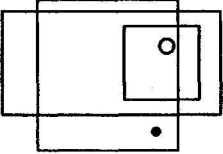
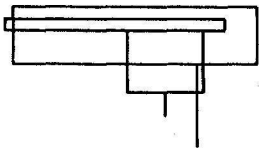




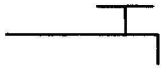
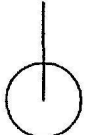
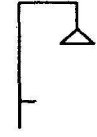
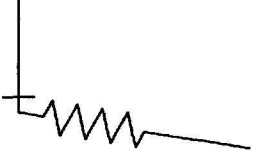
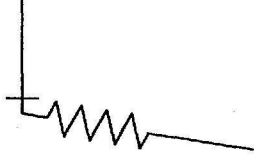
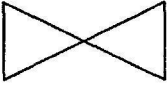

Bảng 1 - Ký hiệu quy ước thiết bị cấp nước, thoát nước

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
1. Chậu rửa đơn, ống xả bên trái		
2. Chậu rửa kép, ống xả bên trái		

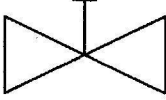

Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
3. Chậu rửa		
4. Chậu giặt		
5. Bồn rửa		
6. Máng rửa công nghiệp		
7. Bồn tắm		
8. Khay tắm hương sen		
9. Chậu vệ sinh phụ nữ (bidê)		
10. Bệ xí bệt		
11. Ấu tiểu		
12. Máng tiểu		

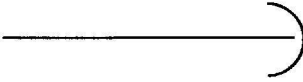
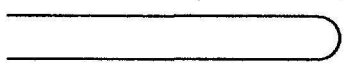
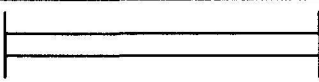


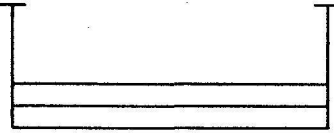
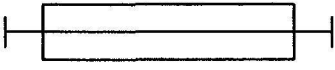
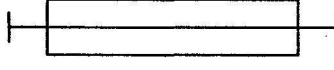
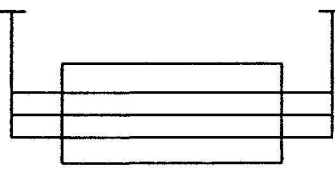
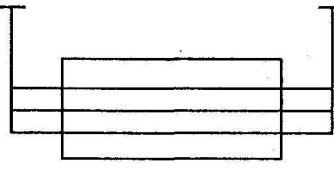
Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
13. Khay tắm đứng có vòi tắm hương sen		
14. Phễu thu nước		
15. Họng nước chữa cháy		
16. Vòi nước (ký hiệu chung)		
17. Vòi tắm hương sen		
18. Vòi có bộ phận nối tiếp		
19. Van (ký hiệu chung)		
20. Van một (	

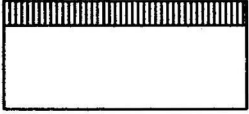
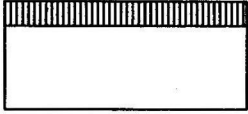
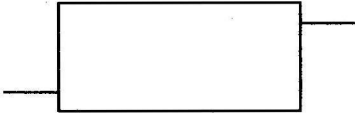
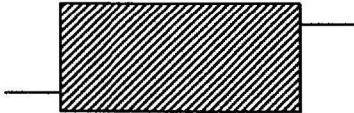
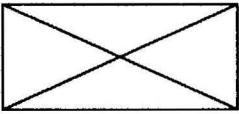
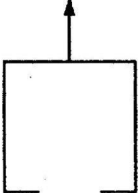

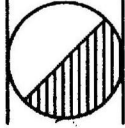
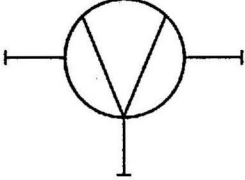
Bảng 1 (Kết thúc)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
21. Khóa (ký hiệu chung)		
22. Đồng hồ đo nước		
CHÚ THÍCH: Vị trí lỗ xả nước xác định theo yêu cầu từng trường hợp cụ thể.		

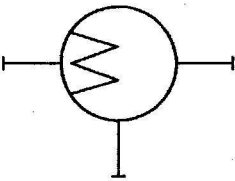

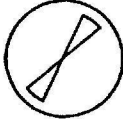
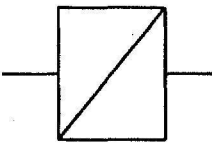
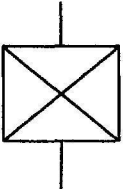
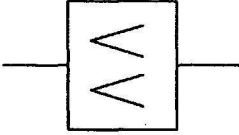
2.2 Ký hiệu quy ước trang thiết bị thông gió, cấp nhiệt (xem Bảng 2)**Bảng 2 - Ký hiệu quy ước trang thiết bị thông gió, cấp nhiệt**

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
1. Ống xoắn ruột gà		
2. Ống sườn trong		
3. Bộ sườn ống tròn		
4. Ống sườn có cánh		
5. Bộ sườn ống có cánh		

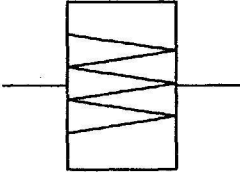
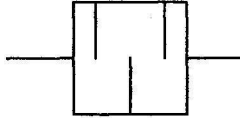
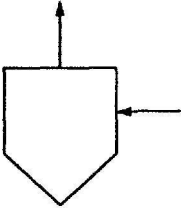
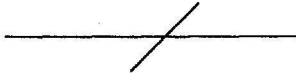

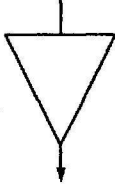

Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
6. Bộ sưởi đối lưu có vỏ bọc		
7. Bộ sưởi bức xạ		
8. Panen sưởi		
9. Thiết bị sưởi gió		
10. Thùng chứa nước ngưng		
11. Bộ phận tách và thải nước		
12. Bộ phận gia ẩm		

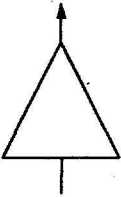
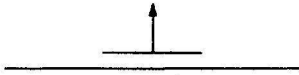


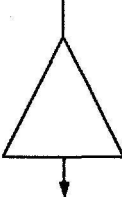
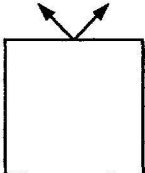
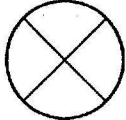
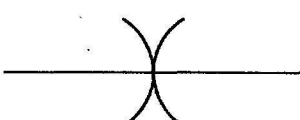
Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
13. Bộ phận tách dầu		
14. Quạt ly tâm		
15. Quạt trục		
16. Bộ phận sấy nóng không khí		
17. Bộ phận làm lạnh không khí		
18. Bường phun mù		

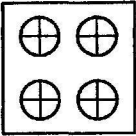
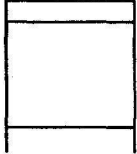
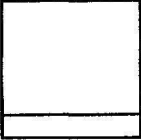
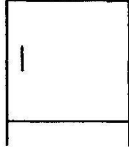
Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
19. Bộ lọc không khí		
20. Bộ tiêu âm		
21. Bộ tách bụi ly tâm		
22. Bộ phân điều chỉnh thông gió		
22.1. Van bướm		
22.2. Tấm chắn		
23. Giếng (ống) lấy không khí		
24. Cửa lấy không khí trên tường		

Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
25. Giếng (ống) thải không khí		
26. Miệng thổi không khí		
27. Miệng hút không khí		
28. Chụp thổi		
28.1. Hình chữ nhật		
28.2. Hình nón		
29. Chụp thải gió		
30. Lỗ đo	<p data-bbox="683 1688 756 1742">LĐ</p> 	<p data-bbox="1171 1688 1244 1742">LĐ</p> 

Bảng 2 (Kết thúc)

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt đứng
31. Bếp		
32. Tủ lạnh		
33. Điều hòa	